TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST Ngày 03-3-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Phan Thị Minh Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Kim H, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 21/12/2020 và bản tự khai ngày 08/01/2021, chị N trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Vũ Kim H thời gian năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2016 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh H thay đổi cách sống để vợ

chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H trình bày tại bản tự khai ngày 02/02/2021: Thống nhất với chị N về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 khi chị N đi làm ăn kinh tế thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù anh và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh thừa nhận tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nhưng do còn tình cảm nên anh xin đoàn tụ với chị N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị N xin ly hôn, anh H xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên chấp nhận yêu cầu xin

ly hôn của chị N. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Lê Thị Thanh N được ly hôn anh Vũ Kim H.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N tự nguyện kết hôn với anh H năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10/2018 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy, nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị N xin ly hôn, còn anh H xin đoàn tụ. Nhưng qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại thôn T và UBND xã N cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ cuối năm 2018 đến nay ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận; nên xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Đều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh N được ly hôn anh Vũ Kim H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0009038 ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị N đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền